



CẬP NHẬT QUÝ

CTCP Nhựa Bình Minh (BMP: HOSE)

Giá mục tiêu 1 năm: 178.000 Đồng

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**

Tăng giá: 13%

Ngày 26/11/2025



Tiềm năng tăng trưởng nhờ biên lợi nhuận ổn định

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** và nâng giá mục tiêu lên **178.000 đồng/cp** (tiềm năng tăng giá là 13%), phản ánh chi phí PVC năm 2025 dự kiến cải thiện và sản lượng tiêu thụ duy trì tăng trưởng tích cực. Giá mục tiêu được xác định dựa trên hệ số PE mục tiêu không đổi là 11x và EPS năm 2026 (thay vì sử dụng EPS bình quân giai đoạn 2025-2026).

Luận điểm đầu tư

- Nền tảng vững chắc:** Chúng tôi dự báo NPATMI 2026 tăng 9% svck, nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 11% svck và giá bán bình quân gần như ổn định (-0,5% svck).
- Lợi thế chi phí & vận hành:** Giá PVC duy trì ở mức thấp do nhu cầu sản xuất tại Trung Quốc yếu (+1,5% svck).
- Chính sách cổ tức hấp dẫn:** Tỷ suất cổ tức tiền mặt ổn định khoảng 10%/năm.

Điểm nhấn hoạt động: Chiến lược ưu tiên biên lợi nhuận

- Trong Q3/25, sản lượng tiêu thụ đạt 26.260 tấn (+11,4% svck), được hỗ trợ bởi nhu cầu ổn định và cơ cấu sản phẩm được tối ưu. Giá bán bình quân duy trì ổn định (-0,3% so với quý trước; -2,3% svck) trong khi chiết khấu thương mại tăng 11,1% svck, tương đương 5,18% doanh thu (+10 điểm cơ bản svck; +2,34 điểm cơ bản so với quý trước).
- Chi phí PVC giảm 16,7% svck trong quý, nhờ giá dầu thô ở mức thấp, hoạt động công nghiệp Trung Quốc suy yếu và nguồn cung khu vực gia tăng.
- Hiệu quả vận hành nhờ tự động hóa và tối ưu công suất, giúp duy trì biên lợi nhuận gộp cao ở mức 47,9% trong Q3/25.

Rủi ro và yếu tố hỗ trợ

- Rủi ro giảm giá: (1) Thị trường bất động sản nhà ở phục hồi chậm hơn kỳ vọng có thể ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ. (2) Biến động chi phí đầu vào do giá dầu tăng hoặc ngành công nghiệp tại Trung Quốc phục hồi.
- Yếu tố hỗ trợ: Công suất PVC chưa được khai thác hết tại Trung Quốc có thể kéo giá PVC giảm sâu hơn, từ đó giảm chi phí đầu vào tại Việt Nam và cải thiện biên lợi nhuận cho BMP.

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	5.808	5.157	4.616	5.476	6.048
Tăng trưởng	27,6%	-11,2%	-10,5%	18,6%	10,4%
Biên lợi nhuận gộp	27,7%	41,0%	43,1%	45,8%	45,7%
NPATMI	694	1.041	991	1.270	1.385
EPS (VND)	8.481	12.717	12.103	15.515	16.914
Tăng trưởng EPS	223,9%	49,9%	-4,8%	28,2%	9,0%
Nợ/VCSH (x)	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02
Tỷ suất cổ tức (%)	14,0%	12,1%	9,2%	7,7%	9,6%
ROE	28,3%	39,2%	36,8%	44,6%	45,1%
P/E (x)	7,1	8,2	10,8	10,1	9,3
P/B (x)	1,9	3,2	4	4,3	4,1
EV/EBITDA	3,5	4,4	6,6	6	5,5

Nguồn: BMP, SSI Research

CVPT:

Trần Anh Khoa

Email:

khoata@ssi.com.vn

Giá CP - VND (25/11/25):	157.500
Vốn hóa (USDmn):	489
SLCP lưu hành (triệu cp):	82
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	0,1
Giá cao/thấp 52T (k VND):	172,2/98,3
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	0,8
Tỷ lệ SHNN (%):	85,3
GTNN còn được mua (USDmn):	72,9
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	0

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Thành lập vào năm 1977, BMP là nhà sản xuất ống nhựa dẫn đầu ở miền Nam Việt Nam với 50% thị phần trong khu vực và 28% trên cả nước. Công ty niêm yết tại HOSE kể từ năm 2006 với vốn điều lệ là 107 tỷ đồng, tăng lên 455 tỷ đồng vào năm 2013 và 819 tỷ đồng vào năm 2017. Công ty chủ yếu hoạt động tại thị trường miền Nam và có chi nhánh tại miền Bắc.

Dự báo EPS của SSI vs TB thị trường

EPS điều chỉnh (VND)	SSI	Thị trường	%Chênh lệch
2025F	15.515	15.646	-0,8
2026F	16.914	16.583	2,0

Nguồn: SSI, Bloomberg

KQKD Q3/25 của BMP tiếp tục khẳng định chiến lược “ưu tiên biên lợi nhuận”, với sản lượng tăng trưởng tốt (+11,4% svck), giá bán bình quân ổn định dù mức chiết khấu thương mại tăng, và biên lợi nhuận gộp duy trì vững chắc (47,9%) nhờ chi phí PVC thuận lợi và hiệu quả vận hành được cải thiện.

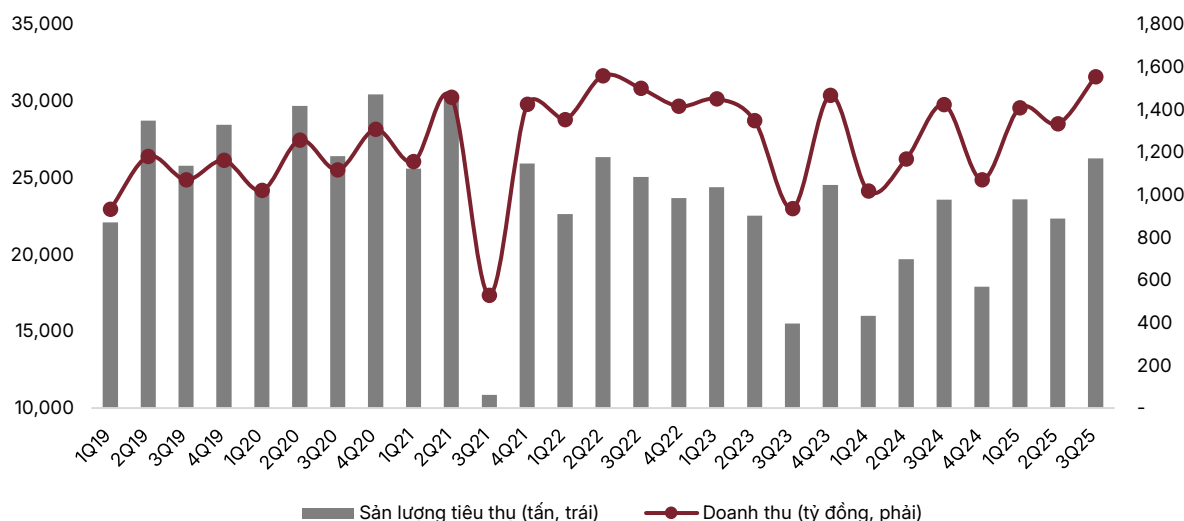
Điểm nhấn KQKD Q3/2025: Chiến lược bán hàng và quản trị biên lợi nhuận

Tỷ đồng	3Q25	3Q24	YoY	2Q25	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							3Q25	3Q24	2Q25	2024
Doanh thu thuần	1.532	1.407	8,9%	1.308	17,1%	79%				
Lợi nhuận gộp	734	606	21,1%	611	20,2%		47,9%	43,1%	46,7%	43,1%
Lợi nhuận hoạt động	440	354	24,1%	412	6,8%		28,7%	25,2%	31,5%	26,6%
EBIT	440	362	21,5%	412	6,7%		28,7%	25,7%	31,5%	26,9%
EBITDA	395	391	0,9%	435	-9,3%		25,7%	27,8%	33,2%	29,3%
Lợi nhuận trước thuế	440	362	21,5%	412	6,7%		28,7%	25,7%	31,5%	26,9%
Lợi nhuận ròng	351	290	21,0%	330	6,3%	72%	22,9%	20,6%	25,2%	21,5%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	351	290	21,0%	330	6,3%		22,9%	20,6%	25,2%	21,5%

Nguồn: BMP, SSI Research

Sản lượng tiêu thụ trong Q3/25 đạt 26.260 tấn, tăng 11,4% svck, nâng tăng trưởng sản lượng 9T2025 lên 21,8% svck, tiếp tục củng cố sức mạnh của các thị trường cốt lõi của BMP. Mặc dù mức chiết khấu thương mại tăng, giá bán bình quân trong Q3/25 vẫn ổn định so với quý trước (nhưng -2,3% svck), nhờ cơ cấu sản phẩm phù hợp hơn, đặc biệt là tỷ trọng các dòng sản phẩm cao cấp tăng lên, cùng với chiến lược phân bổ SKU theo từng khu vực hiệu quả hơn. BMP nhấn mạnh chiết khấu thương mại chỉ mang tính chiến thuật và thời vụ, chứ không phải là chính sách mang tính cố định.

Sản lượng tiêu thụ của BMP (tấn)

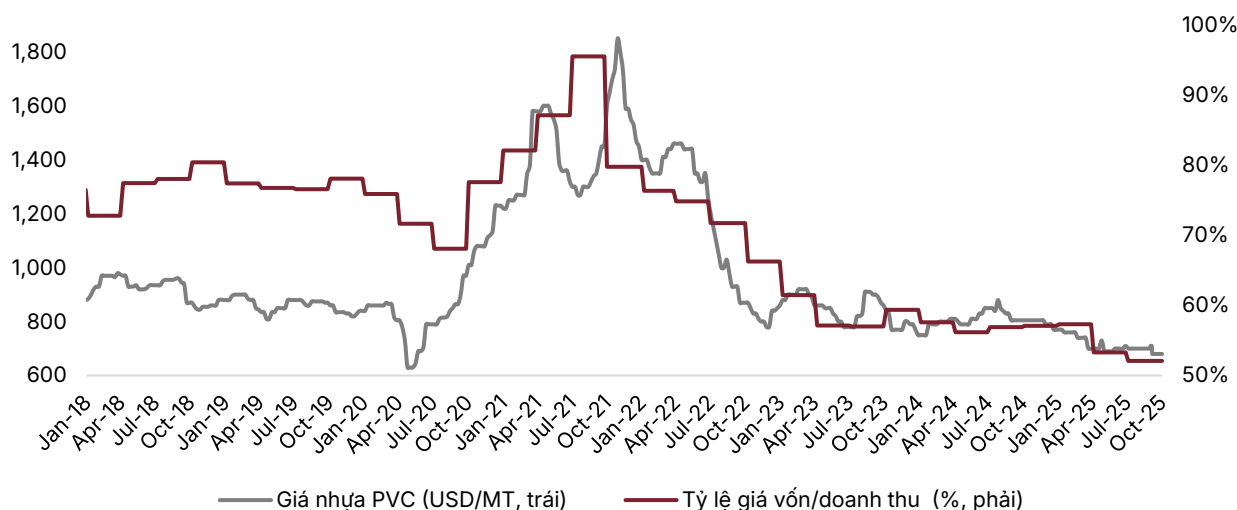


Nguồn: BMP, SSI Research

Chi phí nguyên vật liệu tiếp tục diễn biến thuận lợi đối với BMP trong Q3/2025 (-7,6% svck), trong đó giá hạt nhựa PVC bình quân giảm 16,7% svck. Nhờ chi phí đầu vào giảm, BMP ghi nhận biên lợi nhuận gộp đạt mức cao mới 47,9% trong Q3/2025. Chúng tôi kỳ vọng giá PVC duy trì ở mức thấp trong Q4/2025 và kéo dài sang nửa đầu năm 2026 ngoại trừ trường hợp ngành công nghiệp Trung Quốc phục hồi mạnh bất ngờ. Giá dầu ở mức thấp (giảm khoảng 19% tính từ đầu năm), nhu cầu tiêu thụ hạ nguồn tại Trung Quốc suy yếu, cùng với việc gia tăng công suất PVC mới tiếp tục gây áp lực giảm giá hạt nhựa. BMP không lo ngại gián đoạn nguồn cung, ngay cả khi các doanh nghiệp sản xuất trong nước chuyển hướng sang xuất khẩu, nhờ

mô hình đa dạng nhà cung cấp. Điều này giúp doanh nghiệp có thêm lợi thế trong đàm phán, đặc biệt trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động

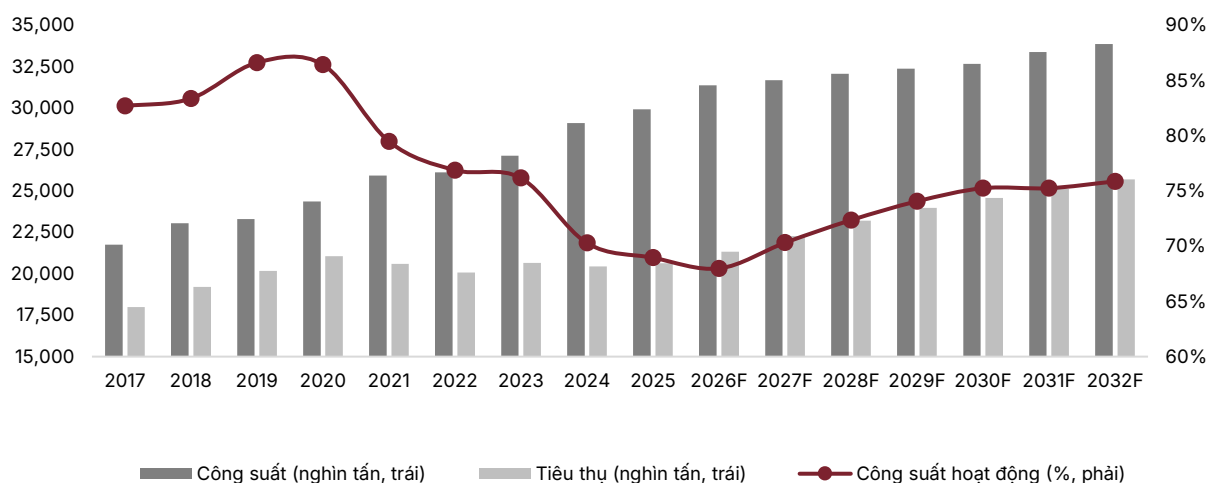
Diễn biến giá nhựa PVC giao ngay và tỷ lệ giá vốn/doanh thu của BMP



Nguồn: BMP, Sunsirs, SSI Research

Lợi thế cạnh tranh của BMP không đến từ việc định giá thấp mà đến từ chất lượng sản phẩm vượt trội so với các đối thủ. Phương pháp “Product-Market Fit” và các tiêu chuẩn nghiêm ngặt đối với nhà cung cấp giúp sản phẩm của BMP đáp ứng các yêu cầu chứng nhận cho thị trường Úc cũng như các tiêu chuẩn chất lượng theo từng yêu cầu cụ thể. Năng lực vận hành và lợi thế cạnh tranh về chất lượng của công ty được củng cố nhờ (i) mức độ tự động hóa ngày càng cao từ hợp tác giữa NPI Thailand – BMP – AI Tech; (ii) hiệu quả vận hành cải thiện, bao gồm điều chỉnh lại nhà máy Long An và mở rộng kho (từ 7.000 lên 12.000 tấn vào năm 2026); (iii) đa dạng hóa nguồn cung, với 80% đến từ các nhà cung cấp nội địa – lợi thế trong bối cảnh tỷ giá tăng; và (iv) tối ưu hóa quy trình sản xuất.

Nhựa PVC - Tổng công suất, mức tiêu thụ và công suất hoạt động tại Trung Quốc



Nguồn: BMP, Sunsirs, Bloomberg, SSI Research

Triển vọng và điều chỉnh ước tính

Ngành nhựa Việt Nam được dự báo tăng trưởng với CAGR 8,44–10% trong giai đoạn 2026-2030, và BMP đặt mục tiêu nắm bắt xu hướng này thông qua mở rộng độ phủ thị trường theo vùng, cải tiến sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị, và duy trì lợi thế cạnh tranh về chi phí nhờ hiệu quả vận hành. Ban lãnh đạo đặt mục tiêu tăng trưởng sản lượng và doanh thu tối thiểu 10% mỗi năm, dù tăng trưởng lợi nhuận vẫn phụ thuộc vào diễn biến chi phí đầu vào PVC.

Dựa trên các thông tin từ cuộc họp với Chuyên viên phân tích, chúng tôi điều chỉnh dự báo cho Q4/25 với doanh thu đạt 1.252,8 tỷ đồng (+17,0% svck), biên lợi nhuận gộp ở mức 45,7% (+2,8 điểm % svck) và NPATMI đạt 285,2 tỷ đồng (+23,5% svck; biên LNST ở mức 22,8%). Các điều chỉnh này phản ánh sản lượng tiêu thụ ổn định, chi phí nguyên liệu đầu vào thuận lợi, cơ cấu sản phẩm cải thiện và dư địa để mở rộng công suất khi điều kiện thị trường cho phép. Theo đó, dự báo cho năm 2026 cũng được điều chỉnh tương ứng, với sản lượng tiêu thụ tăng 11% song song với tốc độ tăng trưởng của thị trường bất động sản nhà ở, trong khi giá bán bình quân được giữ ổn định ở mức hiện tại. Theo kịch bản cơ sở, chúng tôi giả định chi phí PVC tăng nhẹ 1,5% so với mức bình quân năm 2025.

Bảng tóm tắt ước tính

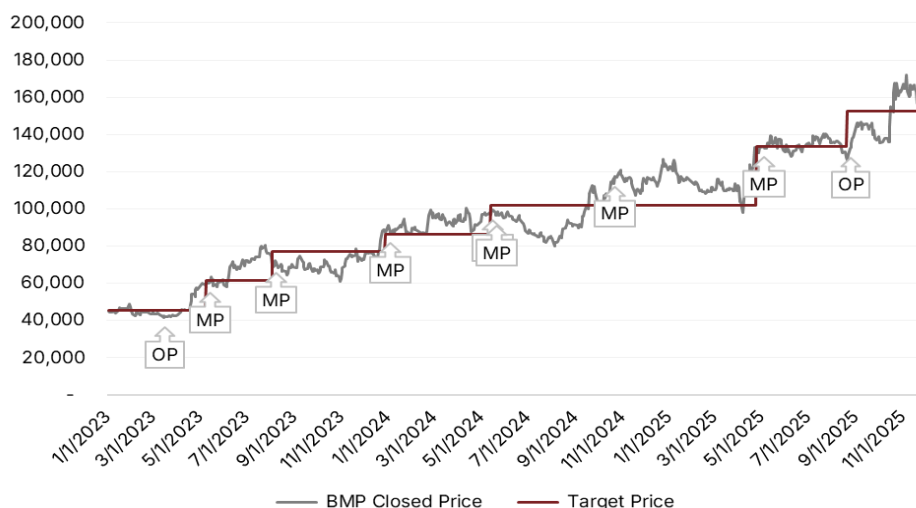
Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	5.808	5.157	4.616	5.476	6.048
Tăng trưởng	27,6%	-11,2%	-10,5%	18,6%	10,4%
Biên lợi nhuận gộp	27,7%	41,0%	43,1%	45,8%	45,7%
NPATMI	694	1.041	991	1.270	1.385
EPS (VND)	8.481	12.717	12.103	15.515	16.914
Tăng trưởng EPS	223,9%	49,9%	-4,8%	28,2%	9,0%
Nợ/VCSH (x)	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02
Tỷ suất cổ tức (%)	14,0%	12,1%	9,2%	7,7%	9,6%
ROE	28,3%	39,2%	36,8%	44,6%	45,1%
P/E (x)	7,1	8,2	10,8	10,1	9,3
P/B (x)	1,9	3,2	4	4,3	4,1
EV/EBITDA	3,5	4,4	6,6	6	5,5

Nguồn: BMP, SSI Research

Định giá và khuyến nghị

Giá cổ phiếu BMP đã có thời điểm vượt nhẹ mức giá mục tiêu trước đó của chúng tôi là 158.700 đồng/cp (theo [báo cáo](#) ngày 22/8/2025), trước khi điều chỉnh về 157.500 đồng/cp vào ngày 25/11/2025. Với các cập nhật về giá định nêu trên, chúng tôi nâng giá mục tiêu 12 tháng lên **178.000 đồng/cp**, dựa trên hệ số P/E mục tiêu không đổi là 11x và áp dụng EPS năm 2026 (thay vì sử dụng EPS bình quân giai đoạn 2025-2026), tiềm năng tăng giá là 13%. Theo đó, chúng tôi tiếp tục duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với BMP, nhờ (1) Nền tảng cơ bản vững chắc; (2) Năng lực hoạt động ổn định, bền bỉ; (3) Và tiếp tục hưởng lợi từ mặt bằng chi phí đầu vào thuận lợi.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research.

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	821	504	870	959
+ Đầu tư ngắn hạn	1.190	1.410	1.410	1.410
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	174	178	137	151
+ Hàng tồn kho	364	464	505	558
+ Tài sản ngắn hạn khác	44	41	47	52
Tổng tài sản ngắn hạn	2.594	2.596	2.968	3.131
+ Các khoản phải thu dài hạn	20	20	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	286	265	251	234
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	12	20	20	20
+ Đầu tư dài hạn	64	64	62	62
+ Tài sản dài hạn khác	279	236	217	283
Tổng tài sản dài hạn	661	604	550	598
Tổng tài sản	3.255	3.200	3.518	3.729
+ Nợ ngắn hạn	546	481	511	565
Trong đó: vay ngắn hạn	55	55	56	62
+ Nợ dài hạn	19	18	18	18
Trong đó: vay dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	565	499	529	583
+ Vốn góp	819	819	819	819
+ Thặng dư vốn cổ phần	2	2	2	2
+ Lợi nhuận chưa phân phối	667	679	967	1.124
+ Quỹ khác	1.202	1.202	1.202	1.202
Vốn chủ sở hữu	2.690	2.702	2.989	3.146
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	3.255	3.200	3.518	3.729
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1.603	889	1.424	1.392
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-174	-237	-78	-80
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-966	-970	-981	-1.222
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	463	-317	366	90
Tiền đầu kỳ	359	821	504	870
Tiền cuối kỳ	821	504	870	959
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	4,75	5,4	5,81	5,54
Hệ số thanh toán nhanh	4	4,35	4,73	4,46
Hệ số thanh toán tiền mặt	3,68	3,98	4,46	4,19
Nợ ròng / EBITDA	-0,36	-0,45	-0,38	-0,47
Khả năng thanh toán lãi vay	33.799	59.461	93.827	92.431
Ngày phải thu	14,4	10,3	7,9	7
Ngày phải trả	14,8	22,7	21,5	20,8
Ngày tồn kho	56,5	57,5	59,5	59,1
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,83	0,84	0,85	0,84
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,17	0,16	0,15	0,16
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,21	0,18	0,18	0,19
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02	0,02	0,02
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02	0,02	0,02

Nguồn: BMP, SSI Research

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	5.157	4.616	5.476	6.048
Giá vốn hàng bán	-3.041	-2.627	-2.969	-3.285
Lợi nhuận gộp	2.116	1.989	2.508	2.763
Doanh thu hoạt động tài chính	119	79	96	68
Chi phí tài chính	-146	-162	-192	-212
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-676	-556	-698	-756
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-107	-120	-137	-145
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.304	1.229	1.577	1.719
Thu nhập khác	3	12	11	12
Lợi nhuận trước thuế	1.307	1.241	1.588	1.731
Lợi nhuận ròng	1.041	991	1.270	1.385
Lợi nhuận chia cho cổ đông	1.041	991	1.270	1.385
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
EPS cơ bản (VND)	12.717	12.103	15.515	16.914
Giá trị sổ sách (VND)	32.857	33.004	36.519	38.433
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	12.600	12.000	12.000	15.000
EBIT	1.307	1.241	1.588	1.731
EBITDA	1.479	1.352	1.682	1.828
Tăng trưởng				
Doanh thu	-11,2%	-10,5%	18,6%	10,4%
EBITDA	42,0%	-8,6%	24,4%	8,7%
EBIT	50,0%	-5,1%	28,0%	9,0%
Lợi nhuận ròng	49,9%	-4,8%	28,2%	9,0%
Vốn chủ sở hữu	2,6%	0,4%	10,7%	5,2%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	6,9%	-1,7%	9,9%	6,0%
Định giá				
P/E	8,2	10,8	10,1	9,3
P/B	3,2	4	4,3	4,1
Giá/Doanh thu	1,7	2,3	2,3	2,1
Tỷ suất cổ tức	12,1%	9,2%	7,7%	9,6%
EV/EBITDA	4,4	6,6	6	5,5
EV/Doanh thu	1,3	1,9	1,9	1,7
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	41,0%	43,1%	45,8%	45,7%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	25,3%	26,6%	27,0%	27,3%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	20,2%	21,5%	23,2%	22,9%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	13,1%	12,0%	12,8%	12,5%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,1%	2,6%	2,5%	2,4%
ROE	39,2%	36,8%	44,6%	45,1%
ROA	33,0%	30,7%	37,8%	38,2%
ROIC	38,4%	36,0%	43,8%	44,3%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Nhựa

Trần Anh Khoa

Chuyên viên Phân tích

khoata@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321